

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục đô thị loại II, loại III và Danh mục phường
đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Công văn số 634/BXD-PTĐT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ
Xây dựng về việc triển khai Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 73/TTr-SXD ngày
29 tháng 01 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục đô thị loại II, loại III
và Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính
trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026), cụ thể
như sau:

1. Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (từ ngày 01
tháng 01 năm 2026).

2. Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành
chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan
theo chức năng nhiệm vụ rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với
các trường hợp chuyển tiếp để lập mới hoặc điều chỉnh, tổ chức thực hiện
chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị và các quy hoạch, kế
hoạch khác có liên quan để bảo đảm hoàn thiện chất lượng đô thị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây
dựng, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Xây dựng;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đảng ủy UBND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - CVP, PVP. UBND tỉnh;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Phòng KTTH, TH, KTN;
 - Lưu: VT, ĐHD.
- } (B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Chính

Phụ lục I**Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long****(từ ngày 01 tháng 01 năm 2026)***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thành phố Vĩnh Long	II	1158/QĐ-TTg ngày 31/7/2020	1	Vĩnh Long	II
2	Thành phố Bến Tre	II	174/QĐ-TTg ngày 13/02/2019	2	Bến Tre	II
3	Thành phố Trà Vinh mở rộng	II	691/QĐ-TTg ngày 28/3/2025	3	Trà Vinh	II
4	Thị xã Bình Minh	III	1008/QĐ-BXD ngày 31/7/2020	4	Bình Minh	II
5	Thị xã Duyên Hải	IV	1313/QĐ-BXD ngày 31/12/2024	5	Duyên Hải	III
6	Thị trấn Ba Tri mở rộng	IV	65/QĐ-BXD ngày 20/01/2016	6	Ba Tri	III
7	Thị trấn Bình Đại mở rộng	IV	67/QĐ-BXD ngày 20/01/2016	7	Bình Đại	III
8	Thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng	IV	1711/QĐ-BXD ngày 31/12/2020	8	Mỏ Cày	III
9	Thị trấn Vũng Liêm mở rộng (nay là xã Trung Thành)	IV	235/QĐ-BXD ngày 04/3/2025	9	Trung Thành	III
10	Thị trấn Tiểu Cần	IV	1333/QĐ-BXD ngày 31/12/2024	10	Tiểu Cần	III
11	Thị trấn Trà Ôn	V	1563/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	11	Trà Ôn	III
12	Thị trấn Long Hồ	V	1565/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	12	Long Hồ	III
13	Thị trấn Cái Nhum	V	2715/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	13	Cái Nhum	III
14	Thị trấn Tam Bình	V	1564/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	14	Tam Bình	III
15	Thị trấn Tân Quới	V	2579/QĐ-UBND	15	Tân Quới	III

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
			ngày 14/10/2019			
16	Thị trấn Chợ Lách	V	1093/QĐ-UBND ngày 26/6/2013	16	Chợ Lách	III
17	Thị trấn Càng Long	V	195/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	17	Càng Long	III
18	Thị trấn Long Thành	V	20/QĐ-UBND ngày 11/01/2010	18	Long Thành	III
19	Thị trấn Cầu Quan (nay là xã Tân Hòa)	V	199/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	19	Tân Hòa	III
20	Thị trấn Phước Mỹ Trung	V	842/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	20	Phước Mỹ Trung	III
21	Thị trấn Thạnh Phú	V	2636/QĐ-UBND ngày 24/12/2014	21	Thạnh Phú	III
22	Thị trấn Châu Thành (nay là xã Phú Túc)	V	852/QĐ-UBND ngày 15/5/2015	22	Phú Túc	III
23	Trung tâm xã Tân Thạch (nay là xã Phú Túc)	V	2951/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	23	Tân Thạch (Phú Túc)	III
24	Thị trấn Giồng Trôm	V	851/QĐ-UBND ngày 15/5/2015	24	Giồng Trôm	III
25	Thị trấn Tiệm Tôm (nay là xã Tân Thủy)	V	844/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	25	Tân Thủy	III
26	Thị trấn Châu Thành	V	196/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	26	Châu Thành	III
27	Thị trấn Cầu Kè	V	197/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	27	Cầu Kè	III
28	Thị trấn Cầu Ngang	V	722/QĐ-UBND ngày 05/5/2017	28	Cầu Ngang	III
29	Thị trấn Định An (nay là xã Đại An)	V	201/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	29	Đại An	III
30	Thị trấn Mỹ Long	V	723/QĐ-UBND ngày 05/5/2017	30	Mỹ Long	III
31	Thị trấn Trà Cú	V	200/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	31	Trà Cú	III
32	Trung tâm xã An Ngãi Trung (nay là xã An Ngãi Trung)	V	208/QĐ-UBND ngày 28/01/2019	32	An Ngãi Trung	III
33	Trung tâm xã Tân Xuân (nay là xã Tân Xuân)	V	2286/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	33	Tân Xuân	III

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
34	Trung tâm xã Mỹ Chánh (nay là xã Mỹ Chánh Hòa)	V	2287/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	34	Mỹ Chánh	III
35	Trung tâm xã Lộc Thuận (nay là xã Lộc Thuận)	V	232/QĐ-UBND ngày 30/01/2018	35	Lộc Thuận	III
36	Châu Hưng (nay là xã Châu Hưng)	V	3057/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	36	Châu Hưng	III
37	Trung tâm xã Nhuận Phú Tân (nay là xã Nhuận Phú Tân)	V	150/QĐ-UBND ngày 20/01/2020	37	Nhuận Phú Tân	III
38	Trung tâm xã Hương Mỹ (nay là xã Hương Mỹ)	V	1655/QĐ-UBND ngày 25/8/2015	38	Hương Mỹ	III
39	Trung tâm xã Giao Thạnh (nay là xã Thạnh Phong)	V	2285/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	39	Giao Thạnh	III
40	Trung tâm xã Vĩnh Thành (nay là xã Vĩnh Thành)	V	2629/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	40	Vĩnh Thành	III
41	Thị trấn Tiên Thủy (nay là xã Tiên Thủy)	V	843/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	41	Tiên Thủy	III
42	Giao Long (nay là xã Quới Sơn)	V	2950/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	42	Quới Sơn	III
43	Trung tâm xã Mỹ Thạnh (nay là xã Lương Phú)	V	2628/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	43	Mỹ Thạnh	III
44	Tân An (nay là xã Tân An)	V	1458/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	44	Tân An	III

* **Ghi chú:** Đối với đô thị: An Ngãi Trung, Tân Xuân, Mỹ Chánh, Lộc Thuận, Châu Hưng, Nhuận Phú Tân, Hương Mỹ, Giao Thạnh, Vĩnh Thành, Tiên Thủy, Quới Sơn, Mỹ Thạnh, Tân An thì phạm vi đô thị được xác định là phạm vi, ranh giới đã được UBND tỉnh quyết định công nhận loại đô thị được dẫn chứng nêu trên.

Phụ lục II
Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị
hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(từ ngày 01/01/2026)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP			SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phường Long Châu	II	1	Phường Long Châu	II
2	Phường Thanh Đức	II	2	Phường Thanh Đức	III
3	Phường Phước Hậu	II	3	Phường Phước Hậu	III
4	Phường Tân Hạnh	II	4	Phường Tân Hạnh	III
5	Phường Tân Ngãi	II	5	Phường Tân Ngãi	II
6	Phường An Hội	II	6	Phường An Hội	III
7	Phường Phú Khương	II	7	Phường Phú Khương	III
8	Phường Bến Tre	II	8	Phường Bến Tre	III
9	Phường Sơn Đông	II	9	Phường Sơn Đông	III
10	Phường Phú Tân	II	10	Phường Phú Tân	III
11	Phường Long Đức	II	11	Phường Long Đức	III
12	Phường Trà Vinh	II	12	Phường Trà Vinh	II
13	Phường Nguyệt Hóa	II	13	Phường Nguyệt Hóa	III
14	Phường Hòa Thuận	II	14	Phường Hòa Thuận	III
15	Phường Bình Minh	III	15	Phường Bình Minh	III

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP			SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại
16	Phường Cái Vồn	III	16	Phường Cái Vồn	III
17	Phường Đông Thành	III	17	Phường Đông Thành	III
18	Phường Duyên Hải	III	18	Phường Duyên Hải	III
19	Phường Trường Long Hòa	III	19	Phường Trường Long Hòa	III